TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số:61/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Triệu Thị Thuỷ Hoàn;
2- Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lý Thị S** 26 tuổi
Địa chỉ: Thôn 3 Th- xã Ph- huyện L- tỉnh Y.
Bị đơn: Anh Trương Văn Đ 30 tuổi
Địa chỉ: Thôn 3 Th- xã Ph- huyện L- tỉnh Y.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có phòng giao dịch tại huyện L- tỉnh Yên Bái do ông Dương Quốc T- Giám đốc đại diện.

Tất cả các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04-5-2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lý Thị S trình bày: Chị và anh Trương Văn Đ về chung sống năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đến tháng 5 năm 2014 đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Ph- huyện L- tỉnh Y. Những năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017- 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đ không chịu khó làm ăn, hay chơi bời cờ bạc, có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến nhiều lần xảy ra cãi, chửi nhau thậm chí nhiều lần anh Đ còn đánh chị. Mặc dù gia

đình khuyên nhủ, thôn bản đã giải quyết nhưng anh Đ không thay đổi. Chị và anh Đ sống ly thân gần hai năm không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh Đ có hai cháu là Trương Thị Hồng T sinh ngày 22-6-2013 và Trương Yến N sinh ngày 07-10-2015. Khi ly hôn chị sẽ nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có 01 đồi quế; hiện tại còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L 40.000.000 đồng vay năm 2017 về làm vốn trồng đồi quế, trả tiền làm nhà và mua chiếc xe máy. Khi ly hôn chị không yêu cầu chia tài sản, đồi quế để lại cho bà nội. Về khoản nợ của Ngân hàng chị có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng; anh Đ trả 25.000.000 đồng vì anh Đ đang sử dụng chiếc xe mua bằng tiền vay Ngân hàng.

Trong Biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Trương Văn Đ trình bày cơ bản như lời khai của chị S, tuy nhiên theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do chị S đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình, chồng con, thỉnh thoảng chỉ về bên ngoại; nghe nói chị S có quan hệ tình cảm với người khác, gia đình khuyên nhủ nhưng chị S không nghe. Nay cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung, khi ly hôn mỗi người nuôi một cháu tuy nhiên hiện tại anh đang đi làm xa, nếu chị S yêu cầu nuôi cả hai cháu và đảm bảo được điều kiện cho các cháu học hành anh cũng nhất trí. Về tài sản chung anh xác định không có. Về nợ chung anh nhất trí có khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L như chị S trình bày, khi ly hôn cả hai người cùng phải có trách nhiệm thanh toán.

Trong bản tự khai ngày 22-7-2021 ông Dương Quốc T- Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L trình bày: Ngày 13-6-2017 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L đã cho chị Lý Thị S vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,55%/ tháng; thời hạn vay là 60 tháng; đứng tên người vay là chị Lý Thị S và người thừa kế là anh Trương Văn Đ. Thời điểm hiện tại chị S còn nợ tổng số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Trường hợp vợ chồng chị S- anh Đ ly hôn, Ngân hàng yêu cầu chị S phải có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 40.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị S được ly hôn với anh Đ; giao các con cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 27, 37, 59, 60 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự, buộc chị S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng15.000.000 đồng; anh Đ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng 25.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do anh Đ là người đang quản lý, sử dụng các tài sản có được từ số tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Lý Thị S và anh Trương Văn Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện L. Chị Lý Thị S, anh Trương Văn Đ và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Chị Lý Thị S và anh Trương Văn Đ kết hôn năm 2014, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Theo lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị S- anh Đ không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qúa trình giải quyết, mặc dù không thể tham gia phiên hoà giải nhưng trong lời khai anh Trương Văn Đ cũng thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị S. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lý Thị S và anh Trương Văn Đ có hai cháu là Trương Thị Hồng T sinh ngày 22-6-2013 và Trương Yến Nh sinh ngày 07-10-2015. Qúa trình giải quyết vụ án chị S đề nghị được nuôi cả hai cháu; quan điểm của anh Đ có nguyện vọng được nuôi một cháu nhưng nếu chị S yêu cầu muôi cả hai cháu và đảm bảo được cho các cháu anh cũng đồng ý. Xét hoàn cảnh thực tế các cháu đều là con gái đang độ tuổi phát triển về tâm, sinh lý nên rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Mặc dù cháu T có nguyện vọng được ở với bố tuy nhiên anh Đ đang đi làm xa do đó cần giao cả hai cháu cho chị Lý Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị S không yêu cầu nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung chị S và anh Đ thống nhất xác định hiện tại còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L 40.000.000 đồng. Quan điểm của chị S yêu cầu anh Đ có trách nhiệm trả 25.000.000 đồng, chị có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng; anh Đ cũng nhất trí với quan điểm trên. Căn cứ các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và lời khai của các đương sự thì khoản tiền vay Ngân hàng nêu trên vợ chồng đã sử dụng vào

việc đầu tư trồng keo, quế và mua xe máy. Đây là khoản nợ chung nên cả hai người cùng phải có trách nhiệm thanh toán. Tuy nhiên do chị S không yêu cầu chia các tài sản chung và hiện tại anh Đ là người đang quản lý, sử dụng các tài sản có được từ số tiền vay nên anh Đ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay và tiền lãi phát sinh; chị S có nghĩa vụ trả anh Đ 15.000.000 đồng để anh Đ thanh toán cho Ngân hàng.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn; cả chị S và anh Đ phải chịu án phí giải quyết nợ chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tình cảm: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lý Thị S được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; giao cả hai cháu Trương Thị Hồng T sinh ngày 22-6-2013 và Trương Yến Nh sinh ngày 07-10-2015 cho chị Lý Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trương Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3- Về nợ chung: Căn cứ các điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự:

- Anh Trương Văn Đ có nghĩa vụ trả khoản nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo sổ vay vốn hai bên đã ký kết.

- Chị Lý Thị S có nghĩa vụ phải trả cho anh Trương Văn Đ 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chị Lý Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 750.000 đồng án phí giải quyết nợ chung; tổng cộng là 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Xác nhận chị S đã nộp 1.300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0008596 ngày 04-5-2021; số tiền chị S còn được hoàn lại là 250.000 đồng.

- Anh Trương Văn Đ phải chịu 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí giải quyết nợ chung.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô